TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
--------*---------	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/DS-ST
Ngày: 12/8/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thúy An**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Cường.**

2. Bà **Võ Thị Lệ .**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trịnh Hồ Hải Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* Ông **Võ Minh Tuấn** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2025, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2025, về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2025/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Đỗ Thị L**, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Địa chỉ hiện tại: Thôn T, xã K, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Bà **Võ Thị H**, sinh năm 1955 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ hiện tại: Ấp K, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ hiện tại: Ấp G, xã G, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên bà Đỗ Thị L - bà Võ Thị H trình bày: Bà T là thiếm dâu của bà L, từ chỗ trong gia đình nên bà L có cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, trả lãi hàng tháng vào ngày 23 dương lịch. Bà T có thế chấp cho bà L 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00548/GT do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 11/7/2005 cho bà Nguyễn Thị T và hai bên có lập "Hợp đồng vay tiền có tài sản đảm bảo" ngày 23/8/2024, số công chứng 7319, quyển số 08/2024

TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C. Sau khi vay, bà T trả cho bà L 02 tháng tiền lãi (tháng 9 và tháng 10/2024) là 6.000.000 đồng thì ngưng luôn đến nay. Đến thời hạn trả tiền vốn, bà L đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền nhưng bà T cố tình trốn tránh. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L.

Do đó, nay bà L yêu cầu bà T trả lại số tiền vốn là 100.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 23/8/2024 đến ngày 23/5/2025 là 09 tháng, với mức lãi suất là 1,66%/tháng, thành tiền là 14.940.000đ, trừ 6.000.000 đồng tiền lãi bà T đã trả, còn lại là 8.940.000 đồng, tổng cộng vốn + lãi là 108.940.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật và yêu cầu tiếp tục trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Ngoài ra, bà L đồng ý trả lại bà T 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00548/GT ngày 11/7/2005 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 11/7/2005 cho bà Nguyễn Thị T, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng theo quy định nhưng bà T vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

* Tại phiên tòa:

- Bà H trình bày: Bà L yêu cầu bà T trả lại số tiền vốn là 100.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 23/8/2024 đến ngày 23/7/2025 là 11 tháng, với mức lãi suất là 1,66%/tháng, thành tiền là 18.260.000đ, trừ 6.000.000 đồng tiền lãi bà T đã trả, còn lại là 12.260.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 112.260.000 đồng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Đồng thời, bà L đồng ý trả lại bà T 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00548/GT ngày 11/7/2005 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 11/7/2005 cho bà Nguyễn Thị T, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L; Buộc bà T có nghĩa vụ trả lại bà L số tiền còn nợ là 112.260.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận việc bà L có nghĩa vụ trả lại bà T 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00548/GT ngày 11/7/2005 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 11/7/2005 cho bà Nguyễn Thị T, khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định tranh chấp giữa bà L và bà T là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, bà L yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 100.000.000 đồng, theo "Hợp đồng vay tiền có tài sản đảm bảo" ngày 23/8/2024, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Xét thấy, vào ngày 23/8/2024 bà L cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, hai bên có làm "Hợp đồng vay tiền có tài sản đảm bảo", bà T có ký tên vào hợp đồng và được công chứng tại Văn phòng C, số công chứng 7319, quyển số 08/2024 TP/CC-SCC/HĐGD, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, đến thời hạn trả tiền vốn, bà L đã nhiều lần yêu cầu bà T trả nợ nhưng bà T cố tình trốn tránh. Vì vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay trên.

Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp chứng cứ gì để phản đối lại yêu cầu khởi kiện của bà L nên Hội đồng xét xử, căn cứ theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án. Do đó, yêu cầu của bà L là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà T có nghĩa vụ trả lại bà L số tiền là 100.000.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về yêu cầu trả lãi: Bà L yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả lại tiền lãi tính từ ngày 23/8/2024 đến ngày 23/7/2025 là 11 tháng, với mức lãi suất là 1,66%/tháng, thành tiền là 18.260.000đ, trừ 6.000.000 đồng tiền lãi bà T đã trả, còn lại là 12.260.000 đồng. Xét thấy, "Hợp đồng vay tiền có tài sản đảm bảo" ngày 23/8/2024 là hợp đồng vay có lãi. Vì vậy, yêu cầu của bà L là có cơ sở, phù hợp với khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà T có nghĩa vụ trả bà L số tiền lãi là 12.260.000 đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Tại phiên tòa, bà L đồng ý trả lại bà T 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00548/GT ngày 11/7/2005 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 11/7/2005 cho bà Nguyễn Thị T, khi án có hiệu lực pháp luật nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí theo quy định khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án. Bà L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** <u>Xử:</u> Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị L.**

- Buộc bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả lại bà Đỗ Thị L số tiền vốn và tiền lãi là 112.260.000 *(Một trăm mười hai triệu hai trăm sáu mươi nghìn)* đồng, khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T chậm trả khoản tiền nêu trên thì hàng tháng bà T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Ghi nhận bà L có nghĩa vụ trả lại bà T 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00548/GT ngày 11/7/2005 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 11/7/2005 cho bà Nguyễn Thị T, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí là 5.613.000 *(Năm triệu sáu trăm mười ba nghìn)* đồng.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà L được quyền kháng cáo bản án đến Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp để xét xử phúc thẩm. Riêng bà T thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

<u>Nơi nhận:</u>
- VKSND KV2 - ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Thúy An